

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSORSHIP

- Pursuant to Decision N° 37/2018/QĐ-TTg dated August 31, 2018 and Decision N° 25/2020/QĐ-TTg dated August 31, 2020 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Decision N° 80/QĐ-HDGSNN dated November 20, 2023 by the Chairman of the State Council for Professorship.

CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

Upon: **Mr. Nguyen Hong Thai**
Born on: **February 18, 1976**
In: **Bac Ninh city, Bac Ninh**
for having met the standards of associate professor title
in: **Mechanical Engineering**



Given under the Seal
of the State Council for Professorship



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 và Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-HDGSNN ngày 20/11/2023 của Chủ tịch Hội đồng Giáo sư nhà nước.

CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Nghành: **Cơ khí**
Cho: **Ông Nguyễn Hồng Thái**
Sinh ngày **18** tháng **02** năm **1976**
Quê quán: **Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh**

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2023
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Kim Sơn
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số: **6435/PGS**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng Đại học ban hành theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHBK ngày 16 tháng 03 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ "Ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư";

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư Nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở";

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư Nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo";

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-HĐGSNN ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Giáo sư nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp ngày 04/12/2023 của Hội đồng xét bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2023;

Theo đề nghị của Trường ban Tổ chức - Nhân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư ngành Cơ khí cho ông Nguyễn Hồng Thái, sinh ngày 18/02/1976, Giảng viên chính Trường Cơ khí, Đại học Bách khoa Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm kỳ bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư là 05 năm. Quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hồng Thái được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông/bà Chánh Văn phòng đại học, Trưởng ban Ban Tổ chức - Nhân sự, Tài chính - Kế hoạch, Hiệu trưởng Trường Cơ khí, các đơn vị liên quan và ông Nguyễn Hồng Thái chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCNS.



PGS.TS. Huỳnh Quyết Thắng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 562/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Đặc cách thăng hạng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặc cách thăng hạng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) mã số V.07.01.01 đối với 59 Phó Giáo sư, tiến sĩ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Các viên chức có tên trong Danh sách nêu tại Điều 1 được hưởng lương mới kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /D

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB (60b).



Hoàng Minh Sơn



DANH SÁCH ĐẶC CÁCH THĂNG HẠNG VÀ BỔ NHIỆM CHỨC DANH NGHIỆP GIÁNG VIÊN CAO CẤP
 (Kèm theo Quyết định số 508/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Họ và Tên	Năm sinh		Cơ quan, đơn vị	Học hàm, học vị	Mã số chức danh nghề nghiệp			Mã số chức danh nghề nghiệp, hệ số lương mới			Chi chú		
		Nam	Nữ			Hệ số lương cũ	Thời gian tính năng lương lần sau	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc lương	Hệ số lương	Thời điểm tính lương		Thời gian tính năng lương lần sau hoặc phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	
1	Nguyễn Văn Anh	3	4	Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyễn Văn Anh		1977	Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	4.65	01/09/2021	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
2	Phạm Tuấn Anh	1981		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	4.32	01/11/2021	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
3	Dương Minh Đức	1979		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/02/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
4	Nguyễn Xuân Hạ	1982		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	01/07/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
5	Trịnh Ngọc Hải	1983		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/06/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
6	Lê Thị Thu Hằng		1985	Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	3.99	01/12/2020	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
7	Nguyễn Duy Hùng	1979		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	4.32	01/06/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
8	Nguyễn Thành Hùng	1984		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	01/07/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
9	Đặng Quốc Khánh	1980		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	01/12/2020	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
10	Nguyễn Phi Lê		1982	Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	3.66	01/03/2021	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
11	Phạm Nguyễn Thanh Loan		1982	Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	4.32	01/03/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
12	Nguyễn Thị Tuyết Mai		1987	Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	3.33	01/04/2021	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
13	Phan Thị Tố Nga		1985	Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	01/07/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	
14	Nguyễn Trọng Nghĩa	1981		Đại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/02/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	Từ khi có QĐ bổ nhiệm	

S TT	Họ và tên	Năm sinh		Cơ quan, đơn vị	Học hàm, học vị	Mã số chức danh nghề nghiệp, hệ số lương cũ			Mã số chức danh nghề nghiệp, hệ số lương mới			Thời điểm tính hưởng	Thời gian tính năng lương làm sau hoặc phụ cấp thêm miễn vượt khung (nếu có)	Ghi chú
		Nam	Nữ			8	9	10	11	12	13			
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
15	Lê Chí Ngọc	1982		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	4.32	01/08/2021	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
16	Phạm Thị Kim Ngọc		1974	Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	5.08	01/01/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
17	Trần Đăng Quốc	1975		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/02/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
18	Nguyễn Hồng Thái	1976		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	5.08	01/09/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
19	Nguyễn Văn Thái	1981		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	4.32	01/10/2021	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
20	Nguyễn Ngọc Thắng	1979		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	5.08	01/06/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
21	Vương Văn Thanh	1982		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	4.32	01/05/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
22	Nguyễn Thị Thu		1986	Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/12/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
23	Nguyễn Thị Thu Thủy		1981	Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/02/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
24	Phạm Văn Tiến	1979		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	01/07/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
25	Nguyễn Kiên Trung	1985		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	01/12/2020	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
26	Nguyễn Thành Trung	1985		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	3.99	01/09/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
27	Nguyễn Ngọc Tuệ	1979		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	01/12/2020	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
28	Nguyễn Đức Tuyên	1983		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.03	3.66	01/09/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
29	Đặng Thái Việt	1978		Dại học Bách khoa Hà Nội	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/08/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
30	Đặng Phước Vinh	1985		Dại học Đà Nẵng	PGS.TS.	V.07.01.02	4.74	01/5/2022	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	
31	Phan Trần Đăng Khoa	1985		Dại học Đà Nẵng	PGS.TS.	V.07.01.02	4.40	26/6/2023	V.07.01.01	1	6.2	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	Từ khi có QĐ bỏ nhiệm	